

Số: 719/2024/QĐST-HNGĐ

Tân Phú, ngày 21 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 635/2024/HNST ngày 29 tháng 7 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu: Ông Lê Quang T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: số B đường N, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người yêu cầu: Bà Vũ Thị Ánh T1, sinh năm 1994;

Địa chỉ: số B đường N, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Ông Lê Quang T và bà Vũ Thị Ánh T1 thuận tình ly hôn tự nguyện sống chung từ năm 2014, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 94/2014, quyển số 01/2014 ngày 17/6/2014 do Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau khoảng một thời gian chung sống, những năm gần đây giữa hai bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do bất đồng ý kiến, hai bên không có tiếng nói chung về tiền bạc, về cách nuôi dạy con.... Mâu thuẫn theo thời gian ngày càng trầm trọng, hai bên không còn tình cảm với nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 01 con chung là Lê Vũ An K, sinh ngày 07/11/2014. Sau khi ly hôn, hai bên thỏa thuận ông T trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà T1 cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà T1 xác nhận không có tài sản chung hay nợ chung.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Quang T và bà Vũ Thị Ánh T1 thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của ông T và bà T1 chấm dứt kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Giấy chứng nhận kết hôn số 94/2014, quyển số 01/2014 ngày 17/6/2014 do Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông T và bà T1 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Ông T và bà T1 xác nhận có 01 con chung là Lê Vũ An K, sinh ngày 07/11/2014. Sau khi ly hôn, hai bên thỏa thuận giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà T1 do ông T không yêu cầu.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa giải quyết.

+ Trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Các bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

+ Trường hợp các bên lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà T1 xác định không có tài sản chung hay nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án:

Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng do Ông **Lê Quang T** và bà **Vũ Thị Ánh T1** chịu, được trừ vào tiền tạm ứng 300.000 đồng ông **T** và bà **T1** đã nộp theo Biên lai thu số 0040035 ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- UBND phường Tân Thành, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: VP, HS (Đào).

THẨM PHÁN

Ngô Thị Thùy Trang